

Nhận định về tác phẩm
Theo Dấu Hoàng Hậu Nam Phương
và Vua Bảo Đại

TRẦN ANH TUẤN

Tháng 8.2024, một sự kiện văn hóa tại Việt Nam khiến tôi chú ý. Đó là sách của tác giả gốc Việt ở Pháp xuất bản tại Hà Nội và các buổi ra mắt sách lần lượt được tổ chức tại nhiều thành phố và nhiều cơ quan văn hóa giáo dục.

Sách tựa đề *Theo Dấu Hoàng Hậu Nam Phương và Vua Bảo Đại* (Hà Nội, nxb Phụ Nữ Việt Nam, 2024, 464 tr.) Tác giả thứ nhất là Vĩnh Đào, tiến sĩ văn học Pháp tại đại học Paris IV-Sorbonne, chuyên viên ngân sách và tài chính trong một cơ quan chính phủ tại Paris. Ông là tác giả có nhiều tác phẩm xuất bản về Phong Trào Hương Đạo, về văn học và thi ca Việt Nam... bằng Pháp và Việt ngữ. Tác giả thứ hai là Nguyễn Thị Thanh Thúy, cử nhân Xã-hội-học, người thiết tha đến đề tài “Hoàng Hậu Nam Phương” liên tục từ năm 2018.



Tủ sách TAT

Tối ngày 25.5.2024, nhà xuất bản Phụ Nữ Việt Nam tổ chức giới thiệu sách tại Hà Nội. Nhận định của tác giả Vĩnh Đào đêm hôm đó rất chính xác về nội dung tác phẩm, nguyên văn: “*Đây là công trình nghiên cứu nghiêm túc về Hoàng Hậu*

Nam Phương và Vua Bảo Đại dựa trên những tư liệu đáng tin cậy, những nguồn tin được kiểm chứng.”

Thực vậy, những “*tư liệu đáng tin cậy*” gồm tài liệu văn khố tại Trung Tâm Văn Khố Hải Ngoại Pháp, và tài nguyên của Thư Viện Tổng Hợp tp HCM, thư viện các họ đạo Chợ Quán, Sài Gòn...

Nghiên cứu thực địa thì hai tác giả bỏ ra ba năm để tìm về những nơi có dấu vết Hoàng Hậu và Hoàng Đế, gồm Sài Gòn, Thủ Đức, Chợ Lớn, Biên Hòa, Gò Công, Tiền Giang, Đà Lạt, Kon Tum, Quy Nhơn, Huế, Hà Nội... tại Việt Nam, và Paris, Cannes, Chabrignac... tại Pháp.

Đặc biệt đáng kể là hai tác giả phỏng vấn những hậu duệ, nhân chứng, và người trong cuộc như Marcel Boudy, đã 91 tuổi là Phó Thị Trưởng Chabrignac khi Hoàng Hậu Nam Phương dọn đến địa phương này, như Patrick-Édouard Block Carcenac, con riêng thứ 13 của vua Bảo Đại với một phụ nữ Pháp...

Sách báo tham khảo là những tác phẩm nghiên cứu chuyên đề nhất và mới nhất về Hoàng Hậu, như *Nam Phương, La Dernière Impératrice du Vietnam* của Francois Joyaux mới xuất bản năm 2019 tại Pháp, hay *Hoàng Hậu Nam Phương Qua Một Số Tư Liệu Chưa Công Bố* của Phan Hy Tùng xuất bản năm 2023 tại tp HCM, và *Nam Phương Hoàng Hậu* của Lê Lan Khanh xuất bản năm 2019, cùng “Chuyện Vua Bảo Đại du học qua chính sử triều Nguyễn” trong *Mộc Bản Triều Nguyễn* của Cao Quang trong internet năm 2021...

Tiếp theo cuộc ra mắt sách đầu tiên tại Hà Nội là những cuộc ra mắt sách tại nhiều địa phương khác từ Bắc chí Nam, Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Mỹ Tho, Kon Tum... Trong những dịp đó, tác phẩm *Theo Dấu Hoàng Hậu Nam Phương và Vua Bảo Đại* được đón nhận nồng nhiệt, tiếp theo là những bài báo và những phản hồi đầy thiện cảm.

Giá trị đầu tiên của tác phẩm là cải chính nhiều sự kiện sai lạc.

Cải chính về gia thế của Nguyễn Hữu Hào, thân phụ của Hoàng Hậu. Trước đây, sách báo đều giới thiệu họ Nguyễn là “đại điền chủ ở Gò Công.” Hai tác giả đã chứng minh gia đình Nguyễn Hữu Hào không liên quan gì đến tỉnh Gò Công, mà họ Nguyễn sinh ra trong một gia đình nghèo ở xã Tân Hòa, nay thuộc Chợ Lớn.

Cải chính về ngày sinh của Hoàng Hậu Nam Phương. Các văn bản chính thức cũng như sách báo trước đây đồng loạt ghi nhận Hoàng Hậu sinh tại tỉnh Gò Công ngày 4.12.1914. Hai tác giả đã căn cứ vào những tài liệu văn khố là *Sổ Khai Sinh* năm 1913 của Tòa Đốc Lý (tức Tòa Đô Chính thời VNCH) về Jeanne Mariette Nguyễn Hữu Hào (tức Hoàng Hậu Nam Phương) và *Sổ Rửa Tội* năm 1913 của Tòa Tổng Giám Mục Sài Gòn tại Thánh Đường Sài Gòn (tức Vương Cung Thánh Đường thời VNCH) về Jeanne Mariette Nguyễn Thị Lan đều ghi bé gái sinh ngày 14.11.1913 và sinh tại Gò Công thuộc Thủ Đức, chứ không phải tỉnh Gò Công.

Theo tôi, những chi tiết này cũng cải chính tên theo Việt ngữ của Hoàng Hậu là Nguyễn Thị Lan chứ không phải Nguyễn Hữu Thị Lan. Trường hợp Nguyễn Hữu này cũng tương đồng với trường hợp Ngô Đình sau này. Hậu thế chỉ vì muốn ca tụng cá nhân nên tự ý thêm chữ này chữ kia vào danh tính cho ra vẻ sang cả quý phái, trái với sự thực trong lịch sử. Làm gì có Nguyễn Hữu Thị Lan? Làm gì có Ngô Đình Thị Hiệp?!

Cải chính về việc Hoàng Thái Tử Vĩnh Thụy du học Pháp không phải là ý kiến của vua Khải Định mà là chủ trương của hai Toàn Quyền Đông Dương Albert Sarraut (1911-14 và 1917-19) và Pierre Pasquier (1928-34) có mục đích đào tạo một ông vua hấp thụ giáo dục và văn hóa Pháp dẫn đến tư tưởng thân Pháp, là hiện thân của chính sách Pháp-Việt đề huề. Để thực hiện chủ trương đó, Pierre Pasquier tổ chức cho vua Khải Định và Hoàng Thái Tử Vĩnh Thụy công du nước Pháp năm 1922. Sau chuyến công du, vua cha về nước còn Vĩnh Thụy ở lại dưới sự chăm sóc của cựu Khâm Sứ Trung Kỳ Eugène Charles. Đây là kết luận của hai tác giả căn cứ vào tác phẩm *La Colonization des Corps: de l'Indochine au Vietnam* xuất bản năm 2014 của hai tác giả Francois Guillemot và Agathe Larcher-Goscha. Francois Guillemot là một sử gia đáng tin cậy, luận án tiến sĩ Sử của ông lấy đề tài “Đảng Đại Việt.” Ông biết và nói tiếng Việt sành sỏi.

Giá trị thứ hai của tác phẩm là cung hiến một số sự kiện mới mẻ.

Đó là tên gọi trong nhà của các hoàng tử và công chúa. Bảo Long là Bambino, Phương Mai là Bambina, Phương Liên là Bambinette, Phương Dung là Bédung, và Bảo Thăng là Bébé (trang 379).

Nhân dịp này, hai tác giả cũng đã tổng kết được 14 hoàng tử và công chúa con vua Bảo Đại, gồm 5 con với Hoàng Hậu Nam Phương, 3 con với thứ phi Bùi Mộng Điệp, 2 con với Jenny Woong tức Hoàng Tiểu Lan, 2 con với thứ phi Lê Phi Ánh, 1 con với Christiane Carcenac, và 1 con với phụ nữ dấu tên. Dĩ nhiên một hoàng hậu và năm thứ phi kể trên chỉ là số phụ nữ chúng ta biết và có tài liệu chứng minh, còn số phụ nữ vô danh liên hệ với vua Bảo Đại thì không ai có thể biết hết được, theo tôi, kể cả chính Bảo Đại cũng không nhớ!

Đó là chuyện Bảo Đại bị gãy xương chân ngày 14.12.1938 tại Ban Mê Thuột. Tin chính thức là nhà vua chơi đá banh rồi ngã gãy xương chân. Hai tác giả ghi nhận sự kiện Hoàng Hậu Nam Phương vào bệnh viện ở Sài Gòn lâu đến hơn 2 giờ chờ kết quả giải phẫu vết thương. Sau đó, khi giải phẫu và băng bó xong, nhà vua về dinh Toàn Quyền dưỡng thương, nhưng Hoàng Hậu không về chung mà đến ngụ tại nhà riêng của gia đình ở số 37 đường Taberd. Sau hơn một tháng dưỡng thương tại dinh Toàn Quyền, nhà vua lên phi cơ về Huế thì Hoàng Hậu Nam Phương cũng không có mặt đưa tiễn mà tiếp tục chương trình thăm viếng các cơ sở xã hội tại Sài Gòn.

Trên đây là hoàn cảnh của hai vợ chồng tuổi đời mới 25 nên tình yêu nồng nàn thì ghen tuông cũng cao cường độ. Lý do nhạt nhẽo xa cách của người vợ trẻ là

gì, nếu không phải là hòn giận khi biết rõ chồng ngoại tình đến độ bị chồng người ta bắn cảnh cáo?! Thật đáng xấu hổ lại mất mặt với cả hữu chung quanh!

Tôi ngạc nhiên thấy hai tác giả kết luận là vì lời đồn thổi đến tai nên Hoàng Hậu Nam Phương mới xa cách vua Bảo Đại. Tại sao hai tác giả không thấy ra lý do Hoàng Hậu Nam Phương ở lâu trong phòng mổ? Theo tôi, thời gian chờ chực trong phòng mổ không gì khác hơn là cốt biết rõ vì sao xương chân nhà vua bị gãy.

Những phản ứng rõ ràng và mạnh mẽ của Hoàng Hậu Nam Phương ngay sau khi nhà vua giải phẫu vết thương cho chúng ta thấy Hoàng Hậu đã biết ra chuyện nhà vua bị ngã hay bị bắn!

Giá trị của tác phẩm còn là khi Bảo Đại sang Pháp tháng 6-1950 gặp gia đình, Hoàng Hậu Nam Phương đã có thai lần thứ sáu. Nhưng sau đó Hoàng Hậu bị sảy thai.

Đó là chuyện công chúa Phương Mai lúc 20 tuổi chưa có chồng nhưng đã được một bé gái.

Và đó là chuyện Hoàng Hậu Nam Phương có người tình André Mourant từ năm 1959 cho đến khi Bà mất năm 1963. Theo hai tác giả, thể chất Hoàng Hậu ngày càng suy yếu với chứng đau lưng nhức mỏi nên khi dọn đến làng Chabignac đã nhờ André Mourant, một chuyên gia vật lý trị liệu giúp Bà. Từ đó, Mourant lui tới thường xuyên tạo ra những lời đồn đại tại Chabignac nên Hoàng Hậu đã giúp Mourant mở một cơ sở hành nghề tại Paris để *“hai người có thể gặp nhau mỗi khi Hoàng Hậu về Paris sống tại căn nhà ở Neuilly, một thị trấn ngay sát Paris”* (trang 425).

Hai tác giả viết rõ hơn nữa nơi trang 429: *“Về phần gia đình thì các hoàng tử và công chúa rất ít đến thăm Hoàng Hậu vì không mấy ưa người tình của mẹ. Chuyện này cũng dễ hiểu.”*

Còn các hoàng tử và công chúa đối với vua cha thế nào? Trong thực tế, từ khi Bảo Đại dính vào Monique Baudot thì con cái đã xa lánh và không liên lạc với cựu Hoàng nữa. Thậm chí ông con Bảo Long còn đưa ông bố Bảo Đại ra tòa vì tranh chấp án kiểm giữa hai cha con.

Tháng 2.1959, khi Hoàng Hậu Nam Phương mua gia trang La Perche rộng 160 mẫu tây, Bà đã làm giấy tờ riêng qua bình phong của một công ty bất động sản để cựu hoàng Bảo Đại không có quyền gì trên bất động sản này (trang 426). Vậy là hết tình hết nghĩa vợ chồng!

Đây thật là một gia đình bất hạnh theo quan niệm truyền thống của người Việt!

Nhưng tình cảm giữa Hoàng Hậu Nam Phương và André Mourant là một chuyện tình đẹp. Năm 1969, khi Hoàng Hậu mất đã sáu năm, Mourant tuy dọn nhà đến thành phố Bergerac xa xôi đã quyết định mua một lô đất tại nghĩa trang làng Chabignac để khi nhắm mắt được chôn gần mộ Hoàng Hậu Nam Phương. Ngày 22.12.1985, Mourant từ trần, và được như ý nguyện.

Như vậy, trong nghĩa trang làng Chabrignac ngoài ngôi mộ của Hoàng Hậu Nam Phương còn có hai ngôi mộ người thân khiến linh hồn Hoàng Hậu đỡ trống trải, là mộ của hoàng tử Bảo Thăng, người con út và mộ của André Mourant, anh chuyên viên vật lý trị liệu tốt số!

Giá trị thứ ba là phần hình ảnh trong sách.

Phần hình ảnh trong tác phẩm rất phong phú. Cả thấy có 112 bức ảnh trong quyển sách 464 trang, trung bình cứ 4 trang là có 1 ảnh. Tiếc một điều là giá trị của lô ảnh không đồng đều.

Tốt nhất là lô ảnh phù hợp với nội dung. Ảnh không những mới mà còn có kích thước lớn, giúp độc giả hiểu thêm phần chính văn.

Đó là tấm ảnh khu bảo sanh trong bệnh viện Angier tại Sài Gòn nơi Hoàng Hậu Nam Phương chào đời (trang 207), ảnh Nguyễn Thị Lan năm 1927 khi cô vừa tới Pháp (trang 45), ảnh chiếc tàu D'Artagnan mà Bảo Đại và Nam Phương cùng đi về nước nhưng lúc đó họ chưa biết nhau (trang 60), ảnh vua Bảo Đại với lễ Tế Giao năm 1933 (trang 95), ảnh cô dâu Nguyễn Thị Lan trên đèo Hải Vân ngày 17.3.1934 (trang 126-27), ảnh Thượng Thơ Bửu Thạch trình diện Bảo Long ngày sách lập Hoàng Thái Tử hôm 7.3.1939 (trang 234), ảnh vua Bảo Đại và Hoàng Hậu Nam Phương viếng thăm Tổng Thống Pháp Albert Lebrun tại điện Élysée ngày 6.7.1939 (trang 248), ảnh lăng Nguyễn Hữu Hào tại Đà Lạt năm 2020 (trang 215)...

Nhưng cũng có lô ảnh không thấy rõ vì quá nhỏ như ảnh vua Bảo Đại, bà Từ Cung, Bảo Long và Hoàng Hậu Nam Phương năm 1939 (trang 236), hay ảnh lấy từ Wikimedia nên rất mờ nhạt (trang 341)...

Cần nói thêm về lô ảnh chụp tài liệu văn khố. Ảnh nhỏ, rất nhỏ, lại mờ nên không ai có thể đọc được. Đó là ảnh bốn trang của Sổ Khai Hôn Thú của Nguyễn Hữu Hào và Lê Thị Bình, song thân của Hoàng Hậu, bốn trang thu lại còn ¼ trang sách (trang 40), thư Hoàng Hậu Nam Phương gửi vua Bảo Đại ngày 30.5.1949 (trang 380) và ngày 6.12.1953 (trang 412), hay ảnh Trích Lục Khai Sinh của Nguyễn Phước Phương Từ sinh ngày 19.2.1965 mà Hoàng thân Vĩnh Thụy khai nhận là con ngày 15.6.1965 (trang 450)...

Giới thiệu tài liệu văn khố mà ai cũng có thể đọc được rất quan trọng trong sách này. Lý do là sổ khai hôn thú Nguyễn Hữu Hào-Lê Thị Bình, thư viết tay của Hoàng Hậu Nam Phương, và bản sao khai sinh của Phương Từ đều bằng Pháp ngữ nhưng trong sách chỉ có Việt ngữ. Người đọc nghiêm chỉnh sẽ có nhiều thắc mắc chính đáng. Ai dịch? Dịch hay hay dịch dở? Dịch nhầm hay dịch đúng? Dịch chính xác hay phỏng dịch? Vân vân. Giá trị của quyển sách và tín lực của người viết sách chỉ có thể được xác định khi người đọc đối chiếu văn Việt trong sách với văn gốc tiếng Pháp. Hãy lấy một thí dụ. Hoàng Hậu Nam Phương viết thư cho vua Bảo Đại bằng tiếng Pháp, nhưng khi thơ được (hay bị) dịch sang Việt ngữ thì nó không còn là thư của Hoàng Hậu nữa! Vì thế, tôi không hiểu hai tác giả có mục đích gì khi

giới thiệu những tài liệu văn khố quan trọng nêu trên nhưng không ai có thể đọc được?!

Tuy nhiên, ngoài những giá trị của *Theo Dấu Hoàng Hậu Nam Phương và Vua Bảo Đại* nêu trên, tôi còn chứng kiến một số sự kiện được hai tác giả diễn đạt rất tinh tế.

Như một chi tiết gợi hứng thú cho độc giả là tên trường Couvent des Oiseaux. Chắc nhiều độc giả không để ý đến ý nghĩa của tên trường. Nhưng chắc cũng có độc giả đoán già đoán non các nữ sinh tươi trẻ quý phái nên được ví như những cánh chim. Nay, sự thật được hai tác giả phơi bày nơi trang 44-45: Chim đây chính là... chim do tòa nhà tiên khởi xây dựng thành trường học là nơi chủ cũ nuôi chim!

Văn thể của hai tác giả đôi lúc đượm vẻ lãng mạn. Nơi trang 216, hai tác giả viết, nguyên văn: *“Hơn 20 năm sau, bà Lê Thị Bình từ trần tại Pháp năm 1964 và được an táng trong nghĩa trang của thị xã Neuilly-sur-Seine, ở ngoại ô Paris. Ngôi mộ bên trái trên khu lăng mộ Đà Lạt vẫn còn để trống. Trên đồi từ bề lộng gió, ông Nguyễn Hữu Hào mãi mãi cô độc.”*

Hay sự diễn đạt tỏ lộ sự minh mẫn của người viết, như nơi trang 404 khi kể lại cuộc yết kiến Giáo Hoàng Pie XII tại Vatican ngày 4.9.1950, hai tác giả mệnh danh phái đoàn là *“Phái đoàn của Hoàng Hậu Nam Phương yết kiến Giáo Hoàng Pie XII”* dù phái đoàn có cả Hoàng Đế Bảo Đại. Lý do là vì Bảo Đại không theo đạo Công Giáo! (Mãi năm 1988 vì áp lực của người đàn bà cuối cùng trong đời mình, cựu hoàng Bảo Đại mới cải sang đạo Thiên-chúa-giáo với tên thánh là Jean-Robert.)

Đặc điểm xuyên suốt của tác phẩm là sự ghi nhận tỉ mỉ, thật tỉ mỉ đến từng giờ từng phút liên hệ đến sự việc và nhân vật, nhất là sự việc liên hệ đến Hoàng Hậu Nam Phương.

Lấy một thí dụ là đám cưới của Hoàng Hậu Nam Phương với vua Bảo Đại. Trong phần *“Đám cưới tại hoàng cung,”* (trang 123-133) hai tác giả lần lượt ghi lại bữa tiệc của nhà gái trước ngày đưa dâu ở Sài Gòn, phái đoàn nhà trai rước dâu về kinh đô, và lễ đại hôn (tức hôn lễ nơi trang 129, không biết danh từ này xuất phát từ đâu). Trong mỗi sự kiện, hai tác giả tỉ mỉ ghi lại ngày giờ rước dâu, danh tính từng quan chức người Việt người Pháp tham dự cuộc rước dâu, nội dung phát biểu của từng người, rồi cô dâu yết kiến những ai và ở địa điểm nào, được tặng những bảo vật gì, ở đâu và khi nào có rước đèn rước rồng pháo bông...

Hay cuộc hành trình của vua Bảo Đại sang Pháp dưỡng thương mùa xuân năm 1939 được diễn tả chi tiết hãng Air France có bao nhiêu máy bay, máy bay có bao nhiêu động cơ, vận tốc nhanh chóng thế nào. Còn chuyến bay của nhà vua thì lên chiếc máy bay hiệu gì, vào ngày nào, trực chỉ những trạm dừng nào, nghỉ đêm ở đâu, cất cánh lại lúc mấy giờ, cuối cùng đến phi trường ở Marseille lúc mấy giờ mấy phút... Thật là những chi tiết trăm phần tỉ mỉ thành... thừa!

Vì thế, tác phẩm *Theo Dấu Hoàng Hậu Nam Phương và Vua Bảo Đại* chưa được thập phần hoàn hảo.

Thứ nhất, sách chứa đựng một số giải thích chưa thỏa đáng.

Nơi trang 9, hai tác giả giới thiệu “*Ông Phạm Khắc Hòe là Đổng Lý Ngự Tiễn Văn Phòng vua Bảo Đại trong các năm 1944-45 có thể được xem là chứng nhân trong một giai đoạn lịch sử nhiều biến động. Nhưng quyển hồi ký của ông, Từ Triều Đình Huế Đến Chiến Khu Việt Bắc (Nxb Hà Nội, 1983) theo chúng tôi, có nhiều giai thoại không có đủ tính xác thực.*” Đọc mẫu văn này sẽ có độc giả thắc mắc tại sao Phạm Khắc Hòe đã cận kề sát bên Bảo Đại mà gần 80 năm sau, lý do gì hai tác giả có thể khẳng định họ Phạm viết “không đủ tính xác thực?!” Mẫu văn của hai tác giả lại bỏ lửng mà không có giải thích gì nhằm giúp người đọc đồng tình với người viết!

Thực ra, nhận định Phạm Khắc Hòe là *chứng nhân* thời cuộc buổi ấy không đúng. Họ Phạm là *tác nhân* mới đúng, tác nhân ngay bên Bảo Đại để lèo lái nhà vua từ bỏ ngai vàng mở đường cho Cộng Sản chiếm chính quyền. Phạm Khắc Hòe chính là tay trong của Cộng Sản luồn vào triều hoạt động mà cán bộ chỉ đạo của ông là Tôn Quang Phiệt. Tựa đề hồi ký của Phạm Khắc Hòe đã chỉ rõ con đường ông theo đuổi: từ trong triều phá đổ ngai vàng nhà Nguyễn để theo Việt Minh với Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Việt Bắc.

Nhận định của các tác giả có khi còn dễ dãi. Trang 456 ghi vua Bảo Đại là “*một nhà chính trị trải qua bao nhiêu kinh nghiệm và thử thách... một con người có tham vọng dẫn dắt một dân tộc...*”

Đúng ra, Bảo Đại không hề là nhà chính trị. Nhà vua chỉ là một cá nhân may mắn sinh ra trong gia đình hoàng tộc nên được lên ngôi vua. Ông có học cấp đại học, nhưng chỉ là trường Sciences Po., nơi con cháu nhà giàu vào học để sửa soạn nắm giữ gia sản và lối sống thượng lưu trong xã hội. Là con người nhàn hạ sung sướng từ khi sinh ra, vua Bảo Đại quen sống hưởng thụ mà không có sức mạnh tinh thần hay tính tình cương nghị. Ông bị dòng đời xô đẩy, càng về già càng muốn yên thân đến độ nhu nhược.

Thực ra, ngày 8.9.1932 khi về nước trị vì, vua Bảo Đại chưa tròn 19 tuổi, còn nhiệt huyết của tuổi trẻ nên chỉ hai ngày sau, nhà vua ban Dụ (ngày 10.9.1932) cải tổ hành chính tổ lộ con người có óc tổ chức. Đến ngày 2.5.1933, nhà vua ban Dụ số 29 cách chức những đại thần cũ và bổ nhiệm năm vị Thượng Thư mới có tâm học nhằm thực hiện những cải tổ đã nêu ra trong Dụ ngày 10.9.1932 mà hai tác giả mệnh danh là “Chiếu Chấp Chánh” nơi trang 72. Nhưng công trình cải tổ bị chính quyền bảo hộ chặn đứng ngay. Do đó, Thượng Thư Bộ Lại Ngô Đình Diệm bất mãn đệ đơn từ chức ngay hai tháng sau khi được bổ nhiệm. Thế là vua Bảo Đại mất hết nhuệ khí, đành rời bỏ đời sống chính trị và lui về vai trò của một ông vua trên danh hiệu, cũng là tránh số phận hẩm hiu của vua Hàm Nghi vua Thành Thái vua Duy Tân trước kia.

Xét về cá nhân thì vua Bảo Đại là người lương thiện, chỉ có tội phản bội tình yêu của Hoàng Hậu Nam Phương chứ không hề hại ai trong suốt cuộc đời.

Thứ hai, sách có một số sai sót cần đính chính.

Trong lễ sách lập Hoàng Thái Tử ngày 7.3.1939, hai tác giả cho biết hoàng trưởng tử Bảo Long nhận được sách vàng và ấn vàng. Về ấn vàng, hai tác giả chỉ rõ “*khắc năm chữ triện: Hoàng Thái Tử Chi Bảo*” nơi trang 231.

Sự thực nhà Nguyễn không hề có ấn vàng nào khắc năm chữ, mà chỉ có ấn vàng khắc BỐN chữ “*Hoàng Thái Tử Bảo!*” Ấn vàng này do vua Gia Long cho lệnh khắc năm 1815 và hiện được lưu trữ tại Bảo Tàng Lịch Sử Việt Nam tại Hà Nội. Hai tác giả có thể kiểm chứng dễ dàng, còn dưới đây là hình ảnh chiếc ấn, trích trong tác phẩm tựa đề *Kim Ngọc Bảo Tỷ* do chính Bảo Tàng Lịch Sử Việt Nam xuất bản năm 2009, trang 123 và 203.



**Ấn vàng bốn chữ “Hoàng Thái Tử Bảo”
nay lưu trữ tại Bảo Tàng Lịch Sử tại Hà Nội**

Tôi còn thấy đâu đó trong sách sự phân tích của hai tác giả về câu “*Nhất Sĩ nhì Phương tam Xường tứ Hỏa.*” Hai tác giả đồng ý về ba nhân vật trước, còn nhân vật thứ tư thì hai tác giả nghi ngờ, và đưa ra vài tên khác không phải là chú Hỏa (Hui Bon Hoa) trong đó có Bạch Thái Bưởi. Không biết lý do gì hai tác giả lại đặt nghi vấn, rồi đưa ra dự đoán... sai! Vua sông ngòi Bạch Thái Bưởi là đại phú gia thật, nhưng cụ ở tận Hải Phòng miền Bắc trong khi câu nói truyền khẩu chỉ cốt nêu danh tính bốn đại phú gia miền Nam Kỳ Lục Tỉnh!

Thứ ba, sách cần bổ chính một số sự kiện cho chính xác.

Về những đại điền chủ thời Pháp thuộc, hai tác giả trình bày sự giàu có của họ là do dành dụm và vay mượn để mua đất như trường hợp Lê Phát Đạt (tức Huyện Sỹ) nơi trang 17. Nhưng dành dụm và vay mượn làm sao mua được hàng ngàn, hàng chục ngàn mẫu ruộng đất? Hai tác giả ghi một chi tiết rất chính xác là huyện Sỹ đã mua, nguyên văn, “*ruộng đất bỏ hoang!*”

Vậy hai tác giả có biết nguồn gốc và lý do tại sao ruộng đất bị bỏ hoang không? Còn lịch sử miền Nam thời Pháp thuộc thì đã có sẵn câu trả lời!

Đó là vào buổi đầu khi binh đội Pháp đánh chiếm Nam Kỳ Lục Tỉnh, nông dân phải bỏ nhà cửa ruộng vườn trốn tránh vào vùng sâu vùng xa. Rồi khi triều đình Huế ký hai hòa ước nhượng cho Pháp tất cả 6 tỉnh thì anh hùng hào kiệt áo vải miền Nam nổi lên chống Pháp khắp nơi. Nông dân lại tiếp tục phải bỏ ruộng đất lánh xa lính Pháp càn quét và bọn lính người Việt cùng bọn hợp tác với Pháp còn độc ác giết dân Việt hơn cả lính Pháp để lập công với kẻ xâm lăng.

Ruộng đất miền Nam trong hậu bán thế kỷ XIX bị bỏ hoang là thế. Ngay từ thời các Đô Đốc cai quản miền Nam đã có thông báo cho dân chúng phải trở về nhận ruộng đất trong một thời hạn, sau thời hạn đó, chính quyền sẽ tịch thu. Dĩ nhiên không phải ai cũng tuân theo lệnh của kẻ xâm lăng nên chính quyền Pháp tha hồ tịch thu ruộng đất bỏ hoang mà kết cục hưởng lợi là những kẻ cộng tác với Pháp, nhất là giới thông ngôn. Những kẻ cộng tác với Pháp này được cấp phát ruộng đất bỏ hoang không phải vô thường, mà là vừa bán vừa cho: chính quyền Pháp lấy giá 0.5Fr một mẫu trong các thập niên 1870-80...

Ngày nay, công chúng không rõ xuất xứ tài sản hàng ngàn hàng vạn mẫu ruộng của các đại điền chủ miền Nam nên nể phục họ. Thực chất thì giới đại điền chủ miền Nam có tài cán và lương thiện gì đâu?! Điển hình là những Tổng Đốc Đỗ Hữu Phương, Tổng Đốc Trần Bá Lộc, Lãnh Binh Huỳnh Công Tấn... làm tay sai trung thành và mẫn cán cho chính quyền thuộc địa mà thành quả nổi bật của họ là lùng bắt các anh hùng áo vải kháng chiến chống Pháp để xử tử hình, thường là bêu đầu.

Nói thêm về giới thông ngôn hay “phiên dịch viên” nơi trang 17. Đó là những người Việt theo Thiên Chúa Giáo, có dịp được học trường dòng nên biết tiếng Pháp và tiếng quốc ngữ. Khả năng ngoại ngữ và tín đồ Thiên Chúa Giáo là hai yếu tố khiến chính quyền Pháp tin tưởng lòng trung thành của giới thông ngôn nên thu nhận họ vào hệ thống hành chính Pháp thuộc và thưởng công cho họ bằng ruộng đất của nông dân miền Nam bị Pháp tịch thu.

Trái với rất nhiều sự kiện được hai tác giả kể tỉ mỉ từng chi tiết, sự kiện Bảo Đại, Cố Vấn Chính Phủ bị Chủ tịch Hồ Chí Minh đẩy sang Tàu chỉ được hai tác giả ghi lại vắn tắt trong một trang, trang 340. Hai tác giả không hề trình bày hoàn cảnh khổ cực của Bảo Đại khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không cần vua Nguyễn nữa, nên đẩy cựu hoàng Bảo Đại vào Thanh Hóa ngồi chơi soi nước. Hàng ngày

cán bộ địa phương chỉ cấp gạo khiến Cố Vấn phải làm cần câu, “hôm nào câu được cá thì có món ăn!” lời Cố Vấn phát biểu một cách cay đắng.

Có một chi tiết thật lạ lùng nơi trang 61 là khi vua Bảo Đại hồi loan đến hoàng cung thì có 21 phát súng thần công bắn chào, và khi tới Điện Cần Chánh thì thêm ba phát thần công cùng “110 phát súng cối.” Đây là lần đầu tiên trong đời tôi được đọc một bản văn đề cập đến sự kiện “bắn 110 phát súng cối chào mừng!”

Thật vậy sao?!

Thứ tư, sự kiện quan trọng nhất trong *Theo Dấu Hoàng Hậu Nam Phương và Vua Bảo Đại*, nếu gọi là sử phạm, thì cần xét lại cách trình bày về những bản Tuyên Ngôn Độc Lập của Việt Nam giữa thế kỷ XX.

Năm 1945 có hai bản Tuyên Ngôn Độc Lập. Thứ nhất, của hoàng đế Bảo Đại ngày 11.3.1945. Và thứ hai, của Chủ tịch Chính phủ Lâm thời Hồ Chí Minh ngày 2.9.1945.

Hai bản Tuyên Ngôn trong hai hoàn cảnh khác nhau nên có ngôn từ và chi tiết khác nhau. Nhưng điểm chung và quan trọng nhất của hai bản Tuyên Ngôn là *khôi phục nền độc lập cho nước Việt*.

Giá trị nhất của Tuyên Ngôn Độc Lập ngày 11.3.1945 là vua Bảo Đại nhân danh Chính Phủ Việt Nam tuyên bố “*từ hôm nay bãi bỏ thỏa ước bảo hộ với nước Pháp*” (trang 295). Vua quan nhà Nguyễn ký hòa ước công nhận quyền bảo hộ của Pháp mà nay một vua nhà Nguyễn khác ký Tuyên Ngôn bãi bỏ những hòa ước đó thì Tuyên Ngôn có giá trị và ý nghĩa cực kỳ!

Điều sai lầm lớn trong sách là khẳng định Tuyên Ngôn Độc Lập ngày 2.9.1945 đã “*hủy bỏ mọi hiệp ước do Pháp ký trong quan hệ với Việt Nam, bãi bỏ mọi đặc quyền của người Pháp*” (trang 310). Viết như thế chỉ là suy diễn! Tuyên Ngôn Độc Lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh có bao hàm ý nghĩa này, nhưng sự bãi bỏ các hòa ước (không phải hiệp ước) trên giấy trắng mực đen thì chỉ có trong Tuyên Ngôn Độc Lập của vua Bảo Đại trước đó thôi!

Sau này, vì tranh thủ ảnh hưởng về mặt chính trị, các cơ quan thông tin tuyên truyền của chính quyền Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa giảm thiểu ý nghĩa và giá trị của Tuyên Ngôn Độc Lập của Bảo Đại hầu nâng cao thể giá bản Tuyên Ngôn Độc Lập sau đó sáu tháng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là điều dễ hiểu.

Giáo sư Phạm Cao Dương, cựu giáo sư Sử Học các đại học thời VNCH trước năm 1975 và giáo sư các đại học Mỹ miền Nam California từ năm 1980, đã viết bài trong chuyên san *Dòng Sử Việt* (xuất bản tại California) nhận định nếu công chúng chỉ biết Tuyên Ngôn Độc Lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì “*Lịch sử do đó chỉ được biết có một nửa thay vì toàn vẹn.*” (Sáu mươi năm nhìn lại. Từ Bảo Đại đến Hồ Chí Minh: Hai bản tuyên ngôn trong *Dòng Sử Việt* số 4 (7-9.2007, tr. 46-54). Dĩ nhiên kết luận này không làm vừa lòng các cơ quan thông tin tuyên truyền trong nước, nhưng phản ứng công khai của chính quyền Việt Nam thế nào chưa rõ. Nay, hai tác giả của *Theo Dấu Hoàng Hậu Nam Phương và Vua Bảo Đại*

đã có lối diễn tả phù hợp trong nước. Đó là cách trình bày thoáng qua bản Tuyên Ngôn Độc Lập của vua Bảo Đại trong phần “Cách mạng và thoái vị.” Nhưng ngay sau đó thì bản Tuyên Ngôn Độc Lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh được trình bày trang trọng trong suốt một phần riêng, tựa đề “Tuyên Ngôn Độc Lập 2-9-1945.”

Vậy là tác giả gốc Việt hải ngoại có “vấn đề” thì có tác giả gốc Việt hải ngoại khác thanh minh cho chính quyền trong nước, thật là “Bất chiến tự nhiên thành!”

Đúng ra, hai bản Tuyên Ngôn Độc Lập của vua Bảo Đại và của Chủ tịch Hồ Chí Minh đều có giá trị, và nếu hậu thế biết trân trọng cả hai bản thì đó mới là lịch sử toàn diện. Ý nghĩa và giá trị của Tuyên Ngôn Độc Lập của vua Bảo Đại đã được ghi nhận ở trên. Còn đây là giá trị của Tuyên Ngôn Độc Lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Tuyên Ngôn đó là kết tinh của biết bao thế hệ thanh niên xả thân trong công cuộc kháng chiến chống Pháp giành Độc Lập!

Và thứ năm, sách có tới 326 cước chú nhưng còn một số trích dẫn trực tiếp bằng Việt ngữ không được chỉ dẫn xuất xứ cũng là một điều sai sót. Việc ghi lại toàn bộ xuất xứ của những trích dẫn rất cần thiết vì nó chứng tỏ người viết “nói có sách mách có chứng,” đồng thời là một cách cảm ơn tế nhị vì người viết thừa hưởng thành quả tinh thần của những người đi trước. Nguy hại hơn nữa, trích dẫn người đi trước mà không ghi xuất xứ chính là... đạo văn!

Cuối cùng, cước chú số 49 nơi trang 72 là một điều bất ngờ. Đã viết Sử thì sử gia tìm đến tài liệu chính xác để cải chính những thông tin sai lạc. Sách này thì ngược lại, hai tác giả đã biết văn bản là “Dụ” do nhà vua ban hành, nhưng lại theo một bài báo để đổi thành “Chiếu!”

Tóm lại, *Theo Dấu Hoàng Hậu Nam Phương và Vua Bảo Đại* là tác phẩm đầy những chi tiết cá nhân về vua Bảo Đại và nhất là về Hoàng Hậu Nam Phương. Những sự kiện lịch sử đương thời cũng được hai tác giả giới thiệu nhưng khá tóm tắt, ít giải thích, và chỉ trình bày khi cần thiết, cốt làm nền cho nội dung về hai nhân vật chính.

Nói cách khác, đây là đỉnh cao của những chuyện thâm cung bí sử được kể theo phương pháp khoa học. Độc giả của sách sẽ có người thấy hào hứng vì biết nhiều sự việc rất riêng tư của hoàng gia cuối cùng trong triều đại nhà Nguyễn, gồm một phụ nữ miền Nam xứng đáng là mẫu nghi thiên hạ và một ông vua không biết tình yêu, chỉ lấy sắc dục làm lẽ sống.

Cho nên, trong khía cạnh này, vua Bảo Đại thua kém cả một anh vật lý trị liệu khiến Hoàng Hậu Nam Phương phải tìm an ủi nơi người đàn ông thứ hai trong đời Bà.

Trần Anh Tuấn
California
26.8.2024